TCTY CỔ PHẦN VINACONEX
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO**

Số : 40 /2023/BC-TKTH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2023*

# BÁO CÁO
# TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
# (năm 2022)

***Kính gửi:*** **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty đại chúng: **Công ty Cổ phần VIMECO**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô E9, đường Phạm Hùng, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội**
- Điện thoại: **024.37848207** Fax: **024.37848202** Email: **thukytonghop@vimeco.com**
- Vốn điều lệ: **215.995.830.000 VND**
- Mã chứng khoán: **VMC**
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ cổ đông:**

| STT | Số nghị quyết/quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ | 16/03/2022 | - Thông qua Báo cáo số 98/2022/BC-TGĐ ngày 23/2/2022 của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty;<br>- Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 119/2022/TTr-HĐQT ngày 08/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br>- Thông qua kết quả hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 theo Báo cáo số 99/2022/BC-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br>- Thông qua Báo cáo số 118/2022/BC-BKS ngày 08/3/2022 của Ban Kiểm soát Công ty;<br>- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo Tờ trình |

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Quận Cầu Giấy, O=CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101338571
Date: 2023.01.19 14:21:46+07'00'

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | 100/2022/TTr-BKS ngày 23/2/2022 của Ban Kiểm soát Công ty;<br><br>- Thông qua việc Điều chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Tờ trình số 101/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Tờ trình số 102/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Thông qua phương án chi trả tiền lương/thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 theo Tờ trình số 103/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Thông qua chủ trương giao dịch với Công ty mẹ Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex và/hoặc các công ty trong nhóm Vimeco theo Tờ trình số 104/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Thông qua Phương án Tăng vốn điều lệ của Công ty CP Vimeco theo Tờ trình số 105/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Phê duyệt chủ trương đầu tư góp vốn thành lập Công ty CP Phát triển khu Đô thị và Công nghiệp Vimeco theo Tờ trình 106/2022/TTr-HĐQT ngày 23/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;<br><br>- Thông qua kết quả kiện toàn Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023:<br><br>+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Hoàng Trọng Đức và ông Nguyễn Đức Dũng.;<br><br>+ Thông qua kết quả bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đối với Ông: Đặng Văn Hiếu và Ông Nguyễn Đắc Trường;<br><br>- Thông qua kết quả kiện toàn Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023:<br><br>+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Nguyễn Hoàng Nam; |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | - + Thông qua kết quả bầu bổ sung 01 Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đối với Ông Nguyễn Tiến Khánh. |

**II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Dương Văn Mậu | Chủ tịch | 08/3/2019 | |
| 2 | Ông Hoàng Trọng Đức | Thành viên | 08/3/2019 | 16/3/2022 |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Dũng | Thành viên | 08/3/2019 | 16/3/2022 |
| 4 | Ông Nguyễn Khắc Hải | Thành viên | 29/3/2021 | |
| 5 | Ông Vũ Minh Tuấn | Thành viên | 29/3/2021 | |
| 6 | Ông Đặng Văn Hiếu | Thành viên | 16/3/2012 | |
| 7 | Ông Nguyễn Đắc Trường | Thành viên | 16/3/2022 | |

**2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:**

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Dương Văn Mậu | 5 | 100% | |
| 2 | Ông Hoàng Trọng Đức | 1 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Dũng | 1 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Khắc Hải | 5 | 100% | |
| 5 | Ông Vũ Minh Tuấn | 5 | 100% | |
| 6 | Ông Đặng Văn Hiếu | 4 | 100% | |
| 7 | Ông Nguyễn Đắc Trường | 4 | 100% | |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- HĐQT tăng cường tính chuyên trách của mỗi thành viên HĐQT trong công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

- Chủ tịch HĐQT triệu tập các Phiên họp thường kỳ hàng Quý để rà soát, đánh giá hoạt động SXKD toàn Công ty, quyết định các chương trình, nội dung và Kế hoạch hoạt động SXKD Quý tiếp theo bảo đảm phù hợp với tình hình thị trường và thực tế hoạt động SXKD của Công ty.

- Chủ tịch HĐQT tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT trên cơ sở các đề xuất của Tổng giám đốc, HĐQT phê duyệt kịp thời, đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành hoạt động SXKD toàn Công ty của Ban điều hành kịp thời và phù hợp với hệ thống quy chế quản trị nội bộ Công ty.

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không.**

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

| STT | Số nghị quyết/quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 08/2022/QĐ-HĐQT | 04/01/2022 | - Bổ nhiệm chức danh Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Hoàng Anh Tuyên. | 100% |
| 2 | 14/2022/QĐ-HĐQT | 15/01/2022 | - Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. | 100% |
| 3 | 16/2022/QĐ-HĐQT | 18/01/2022 | - Phê duyệt chủ trương, báo cáo đầu tư, kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công nền móng giao thông. | 100% |
| 4 | 163/2022/QĐ-HĐQT | 09/3/2022 | - Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 | 100% |
| 5 | 141/2022/QĐ-HĐQT | 01/3/2022 | - Phê duyệt phương án vay vốn trung hạn tại BIDV Hà Đông cho dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công nền móng giao thông. | 100% |
| 6 | 196/2022/QĐ-HĐQT | 19/3/2022 | - Thông qua chủ trương thay đổi tên trường mầm non Vimeco, dự án cải tạo, nâng cấp và đổi mới phương pháp vận hành Trường mầm non Vimeco | 100% |
| 7 | 204/2022/QĐ-HĐQT | 23/3/2022 | - Bổ nhiệm chức danh trợ lý chủ tịch HĐQT đối với ông Đinh Hữu Cảnh. | 100% |
| 8 | 205/2022/QĐ-HĐQT | 24/3/2022 | - Phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung xe máy, thiết bị nâng cao năng lực thiết bị thi công nền móng, giao thông và phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. | 100% |
| 9 | 267/2022/QĐ-HĐQT | 4/4/2022 | - Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty kiêm trưởng phòng tài chính kế toán đối với ông Phạm Văn Vũ. | 100% |
| 10 | 268/2022/QĐ-HĐQT | 4/4/2022 | - Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Đoàn Ngọc Ba. | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 11 | 269/2022/QĐ-HĐQT | 4/4/2022 | - Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty kiêm trưởng phòng tài chính kế toán đối với ông Mai Xuân Toàn. | 100% |
| 12 | 282/2022/QĐ-HĐQT | 15/4/2022 | - Thành lập chi nhanh Công ty cổ phần Vimeco tại thành phố Hồ Chí Minh. | 100% |
| 13 | 312/2022/QĐ-HĐQT | 27/4/2022 | - Phê duyệt "Quy chế phân phối, tiền lương, thù lao Công ty cổ phần Vimeco". | 100% |
| 14 | 267/2022/NQ-HĐQT | 10/5/2022 | - Phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh tại ngân hàng Sacombank - CN Hà Nội | 100% |
| 15 | 268/2022/NQ-HĐQT | 10/5/2022 | - Phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh tại ngân hàng Vietinbank - CN Thăng Long | 100% |
| 16 | 269/2022/NQ-HĐQT | 10/5/2022 | - Phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh tại ngân hàng VP Bank | 100% |
| 17 | 281/2022/NQ-HĐQT | 27/5/2022 | - Triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | 100% |
| 18 | 482/2022/NQ-HĐQT | 16/6/2022 | - Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 | 100% |
| 19 | 483/2022/NQ-HĐQT | 17/6/2022 | - Phê duyệt thuê đơn vị pháp lý để thu hồi công nợ khó đòi | 100% |
| 20 | 453/2022/NQ-HĐQT | 21/6/2022 | - Điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức | 100% |
| 21 | 512/2022/NQ-HĐQT | 30/6/2022 | - Phê duyệt hỗ trợ cho Công ty CP Vimeco M&T vay để trả nợ BIDV Hà Đông | 100% |
| 22 | 369/2022/NQ-HDDQT | 6/7/2022 | - Thống nhất chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2021 | 100% |
| 23 | 528/2022/QĐ-HĐTQ | 01/7/2022 | - Bổ nhiệm Phó trưởng Văn phòng Hội đồng quản trị đối với bà Đào Huệ Chi | 100% |
| 24 | 585/2022/NQ-HĐTQ | 15/7/2022 | - Phê duyệt thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị | 100% |
| 25 | 594/2022/NQ-HĐTQ | 18/7/2022 | - Phê duyệt chủ trương tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CP Vimeco Cơ khí và Thương mại | 100% |
| 26 | 610/2022/QĐ-HĐQT | 20/7/2022 | - Thôi giao nhiệm vụ Trợ lý chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Đinh Hữu Cảnh. | 100% |
| 27 | 424/2022/NQ-HĐQT | 27/7/2022 | - Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 28 | 668/2022/NQ-HĐQT | 28/8/2022 | - Bổ nhiệm Giám đốc và kế toán trưởng Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh | 100% |
| 29 | 590/2022/QĐ-HĐQT | 16/7/2022 | - Thông qua chủ trương đầu tư nâng cấp, cải tạo văn phòng công ty. | 100% |
| 30 | 807/2022/NQ-HĐTQ | 21/10/2022 | - Phê duyệt lựa chọn đơn vị soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 | 100% |
| 31 | 751/2022/QĐ-PTNL | 6/10/2022 | - Thành lập Phòng cơ khí | 100% |
| 32 | 770/2022/NQ-HĐQT | 10/10/2022 | - Phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh tại các Ngân hàng năm 2022-2023 | 100% |
| 33 | 775/2022/NQ-HĐQT | 11/10/2022 | - Phê duyệt quy chế quản lý hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Vimeco tại thành phố Hồ Chí Minh | 100% |
| 34 | 863/2022/QĐ-HĐQT | 21/11/2022 | - Quyết định Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Lê Thế Hùng | 100% |
| 35 | 864/2022/NQ-HĐQT | 21/11/2022 | - Nghị quyết Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Lê Thế Hùng | 100% |
| 36 | 879/2022/NQ-HĐQT | 25/11/2022 | - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng thay cho WEC | 100% |

## III. Ban kiểm soát

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Văn Mạnh | Trưởng Ban Kiểm soát | 08/3/2019 | Kỹ sư kinh tế, Cử nhân ngành kế toán , Thạc sĩ QTKD |
| 2 | Nguyễn Hoàng Nam | Kiểm soát viên | Từ nhiệm kể từ 16/3/2022 | Cử nhân kinh tế |
| 3 | Trần Thị Kim Oanh | Kiểm soát viên | 29/3/2021 | Cử nhân kinh tế (chuyên ngành Kế toán) |
| 4 | Nguyễn Tiến Khánh | Kiểm soát viên | 16/3/2022 | Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán tài chính |

### 2. Cuộc họp Ban kiểm soát.

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Văn Mạnh | 2 | 100% | 100% | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Nguyễn Hoàng Nam | 1 | 100% | 100% | Miễn nhiệm từ 16/3/2022 |
| 3 | Trần Thị Kim Oanh | 2 | 100% | 100% | |
| 4 | Nguyễn Tiến Khánh | 1 | 100% | 100% | Bắt đầu là thành viên BKS ngày 16/3/2022 |

**3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Hỗ trợ công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2022 của công ty.
- Rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của công ty năm 2022.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với Công ty đại chúng niêm yết.
- Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2022.
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành với các cán bộ quản lý khác.**

- Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và tình hình tài chính của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

**5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Không.**

**IV. Ban điều hành**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Đặng Văn Hiếu | 27/5/1971 | Kỹ sư thủy lợi | 18/1/2019 |
| 2 | Ông Lê Thế Hùng | 14/5/1972 | Kỹ sư kinh tế xây dựng | 21/11/2016 |
| 3 | Ông Lê Sỹ Tuấn | 18/3/1981 | Kỹ sư kinh tế bưu chính viễn thông | 8/11/2017 |
| 4 | Ông Trần Trung Huế | 02/10/1976 | Kỹ sư vật liệu xây dựng | 1/11/2018 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Ông Nguyễn Xuân Thanh | 24/12/1978 | Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp | 23/3/2019 |
| 6 | Ông Đoàn Ngọc Ba | 15/11/1977 | Kỹ sư xây dựng | 4/4/2022 |

**V. Phụ trách kế toán**

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|---|
| Bà Võ Thị Hải An | 14/7/1974 | Cử nhân kế toán | 25/11/2022 |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty**: Không

**VII. Danh sách về người liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty.**

**1. Danh sách về người có liên quan của Công ty: (Phụ lục 01).**

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (Phụ lục 02)**

**3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát: Không**

**4. Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác.**

4.1 Giao dịch giữa Công ty với Công ty thành viên mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian 3 năm trở lại đây: Không.

4.2 Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc: Không.

4.3 Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác: Không.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.**

**1. Danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: (Phụ lục 03).**

**2. Giao dịch của người nội bộ và người liên quan đối với cổ phiếu của Công ty: không.**

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

**Dương Văn Mậu**

***Nơi nhận:***
- Như k/g;
- Lưu: TCHC; TKTH.

# Phục lục 01 :Danh sách về người có liên quan của Công ty:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD Ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dương Văn Mậu | | Chủ tịch HĐQT | | | 8/3/2019 | | Bầu Chủ tich ngày 29/3/2021 | |
| 2 | Hoàng Trọng Đức | | Thành viên HĐQT | | | 8/3/2019 | 16/3/2022 | Miễn nhiệm | |
| 3 | Nguyễn Đức Dũng | | Thành viên HĐQT | | | 8/3/2019 | 16/3/2022 | Miễn nhiệm | |
| 4 | Ông Nguyễn Khắc Hải | | Thành viên HĐQT | | | 29/3/2021 | | Bầu | |
| 5 | Ông Vũ Minh Tuấn | | Thành viên HĐQT | | | 29/3/2021 | | Bầu | |
| 6 | Đặng Văn Hiếu | | Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT | | | 18/1/2019 | | Bổ nhiệm | |
| 7 | Nguyễn Đắc Trường | | Thành viên HĐQT | | | 16/3/2022 | | Bổ nhiệm | |
| 8 | Vũ Văn Mạnh | | Trưởng ban Kiểm soát | | | 8/3/2019 | | Bầu trưởng ban ngày 29/3/2021 | |
| 9 | Nguyễn Hoàng Nam | | Thành viên Ban kiểm soát | | | 8/3/2019 | 16/3/2022 | Miễn nhiệm | |
| 10 | Bà Trần Thị Kim Oanh | | Thành viên Ban kiểm soát | | | 29/3/2021 | | Bầu | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD Ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Nguyễn Tiến Khánh | | Thành viên Ban kiểm soát | | | 16/3/2022 | | Bầu | |
| 12 | Nguyễn Xuân Thanh | | Phó Tổng giám đốc | | | 23/3/2019 | | Bổ nhiệm | |
| 13 | Lê Thế Hùng | | Phó Tổng giám đốc | | | 21/11/2016 | | Bổ nhiệm | |
| 14 | Lê Sỹ Tuấn | | Phó Tổng giám đốc | | | 08/11/2017 | | Bổ nhiệm | |
| 15 | Trần Trung Huế | | Phó Tổng giám đốc | | | 01/11/2018 | | Bổ nhiệm | |
| 16 | Đoàn Ngọc Ba | | Phó Tổng giám đốc | | | 4/4/2022 | | Bổ nhiệm | |
| 17 | Phạm Văn Vũ | | Kế toán trưởng | | | 28/5/2018 | 4/4/2022 | Miễn nhiệm | |
| 18 | Mai Xuân Toàn | | Kế toán trưởng; | | | 4/4/2022 | 25/11/2022 | Bổ nhiệm, Miễn nhiệm | |
| 19 | Võ Thị Hải An | | Phụ trách kế toán | | | 25/11/2022 | | Bổ nhiệm | |
| 20 | Phạm Thắng | | Uỷ quyền CBTT | | | 10/1/2020 | | Uỷ quyền | |
| 21 | Tổng công ty CP VINACONEX | | | | | | | | |

# Phụ lục 02: Danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | **Dương Văn Mậu** | | **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | | | **0** | **0** | |
| | Dương Xuân Hoàn | | | | | | | |
| | Đào Thị Nhuần | | | | | | | |
| | Dương Thị Hồng | | | | | | | |
| | Dương Thị Duyên | | | | | | | |
| | Dương Thị Hạnh | | | | | | | |
| | Bùi Thị Thanh Hương | | | | | | | |
| | Dương Hương Ly | | | | | | | |
| | Dương Minh Khang | | | | | | | |
| 2 | **Nguyễn Khắc Hải** | | **Thành viên Hội đồng quản trị** | | | **0** | **0** | |
| | Nguyễn Khắc Nghiệm | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Yến | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Thanh Cúc | | | | | | | |
| | Nguyễn Hải Vân | | | | | | | |
| | Nguyễn Khắc Chí Anh | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đặng Thị Bích | | | | | | | |
| | Đặng Thị Kim Liên | | | | | | | |
| **3** | **Vũ Minh Tuấn** | | **Thành viên Hội đồng quản trị** | | | 0 | 0 | |
| | | | | | | | | |
| **4** | **Hoàng Trọng Đức** | | Thành viên HĐQT | | | | | |
| | Hoàng Đình Toản | | | | | | | |
| | Khương Thị Vinh | | | | | | | |
| | Hoàng Anh Tú | | | | | | | |
| | Hoàng Xuân Trường | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Hoài Thu | | | | | | | |
| | Hoàng Nguyễn Cát Thy | | | | | | | |
| | Hoàng Đình Tuấn | | | | | | | |
| **5** | **Nguyễn Đức Dũng** | | Thành viên HĐQT | | | | | |
| | Nguyễn Đức Hiệu | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Thiệp | | | | | | | |
| | Nguyễn Đức Hải | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Thu Thùy | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Dương Thanh Huyền | | | | | | | |
| | Nguyễn Đức Tuấn | | | | | | | |
| | Nguyễn Đức Minh | | | | | | | |
| **6** | **Nguyễn Xuân Đông** | | Thành viên HĐQT | | | **100** | **0** | |
| | Nguyễn Xuân Ánh | | | | | | | |
| | Lê Thị Bự | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Thu | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Sáng | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Xuyến | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Luyến | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Luyện | | | | | | | |
| | Đỗ Thị Thanh | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Hà My | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Tùng | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Toàn | | | | | | | |
| | Nguyễn Hà Anh | | | | | | | |
| **7** | **Nguyễn Hữu Tới** | | | | | **0** | **0** | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Thị Thái | | | | | | | |
| | Nguyễn Hữu Chấn | | | | | | | |
| | Nguyễn Hữu Minh | | | | | | | |
| | Nguyễn Hữu Tấn | | | | | | | |
| | Nguyễn Hữu Giang | | | | | | | |
| | Đinh Thị Hằng | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Thu Hà | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Nguyệt Minh | | | | | | | |
| **8** | **Vũ Văn Mạnh** | | **Trưởng ban Kiểm soát** | | | **0** | **0** | |
| | Vũ Văn Triệu | | | | | | | |
| | Trần Thị Giá | | | | | | | |
| | Vũ Văn Vạn | | | | | | | |
| | Vũ Văn Bách | | | | | | | |
| | Vũ Văn Muôn | | | | | | | |
| | Vũ Thị Vân | | | | | | | |
| | Vũ Thị Hương | | | | | | | |
| | Trần Thị Phương | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vũ Mạnh Cường | | | | | | | |
| | Vũ Thùy Lâm | | | | | | | |
| | Vũ Minh Ngọc | | | | | | | |
| **9** | **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0** | |
| | Nguyễn Đăng Bình | | | | | | | |
| | Trần Bích Nết | | | | | | | |
| | Nguyễn Hồng Liên | | | | | | | |
| | Đặng Minh Đức | | | | | | | |
| | Đặng Minh Anh | | | | | | | |
| | Đặng Minh Quang | | | | | | | |
| **10** | **Nguyễn Hoàng Nam** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0** | |
| | Nguyễn Đăng Mạnh | | | | | | | |
| | Phạm Vân Chi | | | | | | | |
| | Đỗ Thị Diệu Anh | | | | | | | |
| | Nguyễn Mai Lâm | | | | | | | |
| | Nguyễn Mai Phương | | | | | | | |
| | Nguyễn Thu Giang | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **11** | **Trần Thị Kim Oanh** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0** | |
| | Trần Văn Hiến | | | | | | | |
| | Trần Thị Yến | | | | | | | |
| | Trần Thị Thu Hiền | | | | | | | |
| | Nguyễn Anh Hoa | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Chiến | | | | | | | |
| | Nguyễn Xuân Hòa | | | | | | | |
| | Nguyễn Hương Duyên | | | | | | | |
| **12** | **Đặng Văn Hiếu** | | **Tổng giám đốc** | | | **0** | **0** | |
| | Đặng Văn Tại | | | | | | | |
| | Đặng Thị Chối | | | | | | | |
| | Nguyễn Việt Hải | | | | | | | |
| | Đặng Vân Trang | | | | | | | |
| | Đặng Nguyên Trang | | | | | | | |
| | Đặng Long Giang | | | | | | | |
| **13** | **Nguyễn Xuân Thanh** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **0** | **0** | |
| | Nguyễn Văn Vẻ | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vương Thị Loan | | | | | | | |
| | Nguyễn Hồng Phượng | | | | | | | |
| | Nguyễn Tuấn Anh | | | | | | | |
| | Dương Thị Hạnh | | | | | | | |
| | Nguyễn Minh Phương | | | | | | | |
| | Nguyễn Đức Vinh | | | | | | | |
| **14** | **Lê Thế Hùng** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **48.602** | **0,24%** | |
| | Lê Thế Ngân | | | | | | | |
| | Hàn Thị Thảo | | | | | | | |
| | Lê Thị Hà | | | | | | | |
| | Đào Như Trang | | | | | | | |
| | Lê Diệu Minh | | | | | | | |
| | Lê Thế Kiên | | | | | | | |
| | Lê Nam Khánh | | | | | | | |
| **15** | **Lê Sỹ Tuấn** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **8.000** | **0,04%** | |
| | Lê Sỹ Minh | | | | | | | |
| | Lê Thị Ngà | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Lê Sỹ Quyền | | | | | | | |
| | Lê Sỹ Việt | | | | | | | |
| | Lê Thu Thảo | | | | | | | |
| | Lê Quỳnh Dương | | | | | | | |
| | Lê Diễm Anh | | | | | | | |
| **16** | **Trần Trung Huế** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **68** | **0,00%** | |
| | Trần Quang Thê | | | | | | | |
| | Nguyễn Thị Viêm | | | | | | | |
| | Trần Ngọc Ánh | | | | | | | |
| | Trần Ngọc Anh | | | | | | | |
| | Trần Cao Hoàng | | | | | | | |
| | Trần Thị Huệ | | | | | | | |
| | Nguyễn Hồng Vân | | | | | | | |
| | Trần Nguyễn Bảo Thy | | | | | | | |
| | Trần Nguyễn Bảo Quyên | | | | | | | |
| | Trần Nguyễn Bảo Anh | | | | | | | |
| **17** | **Phạm Văn Vũ** | | Kế toán trưởng | | | **58.914** | **0,29%** | |
| | Phạm Văn Khắc | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Thị Lan | | | | | | | |
| | Phạm Hoài Nam | | | | | | | |
| | Phạm Thị Xuyến | | | | | | | |
| | Phạm Văn Bắc | | | | | | | |
| | Đặng Thị Thu Hà | | | | | | | |
| | Phạm Hà Linh | | | | | | | |
| | Phạm Hà Chi | | | | | | | |
| | Phạm Hà My | | | | | | | |

# PHỤ LỤC 02: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 11/02/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ cung cấp thiết bị thi công, nhân công, vật tư phụ Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. GTHĐ 380,423 tỷ đồng | |
| 2 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 11/02/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ thi công xây dựng Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. GTHĐ 220,846 tỷ đồng | |
| 3 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 12/02/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ cung cấp VLXD Dự án Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài. GTHĐ 14,570 tỷ đồng | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | | | | | |
| 4 | Công ty CP Vimeco Cơ khí và Thương mại (Vimeco M&T) | Công ty con | MSDN: 0102640834 | KCN Cầu Bươu, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội | 14/02/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ cung cấp VLXD Dự án Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài. GTHĐ 14,498 tỷ đồng | |
| 5 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 15/03/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ Tổng thầu xây dựng Dự án Khu đô thị đại lộ Hòa Bình kéo dài tại phường Hải Hòa, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. GTHĐ 1.143,140 tỷ đồng | |
| 6 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 01/04/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ thầu phụ Dự án cải tạo khu chung cư cũ L1, L2 (khu Nam Thành Công) tại số 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. GTHĐ 150,766 tỷ đồng | |
| 7 | Công ty TNHH MTV Vinaconex xây dựng | Công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex | MSDN: 0107926315 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 02/04/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ thầu phụ Dự án cải tạo khu chung cư cũ L1, L2 (khu Nam Thành Công) tại số 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. GTHĐ 150,766 tỷ đồng | |
| 8 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 13/04/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số | HĐ cung cấp thiết bị thi công, nhân công, vật tư phụ Dự án xây dựng Bệnh | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | | | 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | viện đa khoa tỉnh Nam Định. GTHĐ 78,268 tỷ đồng | |
| 9 | Tổng công ty CP Vinaconex | Công ty mẹ | MSDN: 0100105616 đăng ký lần đầu 1/12/2016, thay đổi lần 10 ngày 01/8/2019 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 04/05/2022 | NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2022 | HĐ cung cấp thiết bị thi công , nhân công, vật tư Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. GTHĐ 43,217 tỷ đồng | |

# PHỤ LỤC 03: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ.

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 | 10 |
| **1** | **Dương Văn Mậu** | | **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | | | **0** | **0%** | |
| 1.1 | Dương Xuân Hoàn | | | | | | | |
| 1.2 | Đào Thị Nhuần | | | | | | | |
| 1.3 | Dương Thị Hồng | | | | | | | |
| 1.4 | Dương Thị Duyên | | | | | | | |
| 1.5 | Dương Thị Hạnh | | | | | | | |
| 1.6 | Bùi Thị Thanh Hương | | | | | | | |
| 1.7 | Dương Hương Ly | | | | | | | |
| 1.8 | Dương Minh Khang | | | | | | | |
| **2** | **Nguyễn Khắc Hải** | | **Thành viên Hội đồng quản trị** | | | **0** | **0%** | |
| 2.1 | Nguyễn Khắc Nghiệm | | | | | | | |
| 2.2 | Nguyễn Thị Yến | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2.3 | Nguyễn Thị Thanh Cúc | | | | | | | |
| 2.4 | Nguyễn Hải Vân | | | | | | | |
| 2.5 | Nguyễn Khắc Chí Anh | | | | | | | |
| 2.6 | Đặng Thị Bích | | | | | | | |
| 2.7 | Đặng Thị Kim Liên | | | | | | | |
| **3** | **Đặng Văn Hiếu** | | **Tổng giám đốc** | | | **0** | **0%** | |
| 3.1 | Đặng Văn Tại | | | | | | | |
| 3.2 | Đặng Thị Chối | | | | | | | |
| 3.3 | Nguyễn Việt Hải | | | | | | | |
| 3.4 | Đặng Vân Trang | | | | | | | |
| 3.5 | Đặng Nguyên Trang | | | | | | | |
| 3.6 | Đặng Long Giang | | | | | | | |
| **4** | **Vũ Minh Tuấn** | | **Thành viên Hội đồng quản trị** | | | **0** | **0%** | |
| 4.1 | Vũ Đức Mười | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.2 | Đoàn Thị Thanh | | | | | | | |
| 4.3 | Hoàng Thị Như Hoa | | | | | | | |
| 4.4 | Vũ Hoàng Hà My | | | | | | | |
| 4.5 | Vũ Việt Hoàng | | | | | | | |
| 4.6 | Vũ Thu Hà | | | | | | | |
| **5** | **Nguyễn Đắc Trường** | | **Thành viên HĐQT** | | | **0** | **0,00%** | |
| 5.1 | Nguyễn Đắc Cường | | | | | | | |
| 5.2 | Phan Thị Thu Hương | | | | | | | |
| 5.3 | Nguyễn Đắc Sơn | | | | | | | |
| 5.4 | Nguyễn Thị Thuỳ Dương | | | | | | | |
| 5.5 | Nguyễn Đắc Lương | | | | | | | |
| 5.6 | Nguyễn Đắc Minh Quang | | | | | | | |
| **6** | **Hoàng Trọng Đức** | | **Thành viên HĐQT** | | | **0** | **0%** | |
| 6.1 | Hoàng Đình Toản | | | | | | | |
| 6.2 | Khương Thị Vinh | | | | | | | |
| 6.3 | Hoàng Anh Tú | | | | | | | |
| 6.4 | Hoàng Xuân Trường | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6.5 | Nguyễn Thị Hoài Thu | | | | | | | |
| 6.6 | Hoàng Nguyễn Cát Thy | | | | | | | |
| 6.7 | Hoàng Đình Tuấn | | | | | | | |
| **7** | **Nguyễn Đức Dũng** | | **Thành viên HĐQT** | | | **0** | **0%** | |
| 7.1 | Nguyễn Đức Hiệu | | | | | | | |
| 7.2 | Nguyễn Thị Thiệp | | | | | | | |
| 7.3 | Nguyễn Đức Hải | | | | | | | |
| 7.4 | Nguyễn Thị Thu Thùy | | | | | | | |
| 7.5 | Dương Thanh Huyền | | | | | | | |
| 7.6 | Nguyễn Đức Tuấn | | | | | | | |
| 7.7 | Nguyễn Đức Minh | | | | | | | |
| **8** | **Vũ Văn Mạnh** | | **Trưởng ban Kiểm soát** | | | **0** | **0%** | |
| 8.1 | Vũ Văn Triệu | | | | | | | |
| 8.2 | Trần Thị Giá | | | | | | | |
| 8.3 | Vũ Văn Vạn | | | | | | | |
| 8.4 | Vũ Văn Bách | | | | | | | |
| 8.5 | Vũ Văn Muôn | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8.6 | Vũ Thị Vân | | | | | | | |
| 8.7 | Vũ Thị Hương | | | | | | | |
| 8.8 | Trần Thị Phương | | | | | | | |
| 8.9 | Vũ Mạnh Cường | | | | | | | |
| 8.10 | Vũ Thùy Lâm | | | | | | | |
| 8.11 | Vũ Minh Ngọc | | | | | | | |
| **9** | **Trần Thị Kim Oanh** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0%** | |
| 9.1 | Trần Văn Hiến | | | | | | | |
| 9.2 | Trần Thị Yến | | | | | | | |
| 9.3 | Trần Thị Thu Hiền | | | | | | | |
| 9.4 | Nguyễn Anh Hoa | | | | | | | |
| 9.5 | Nguyễn Xuân Chiến | | | | | | | |
| 9.6 | Nguyễn Xuân Hòa | | | | | | | |
| 9.7 | Nguyễn Hương Duyên | | | | | | | |
| **10** | **Nguyễn Tiến Khánh** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0%** | |
| 10.1 | Nguyễn Tiến Hội | | | | | | | |
| 10.2 | Phạm Thị Bính | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10.3 | Hoàng Thị Phương Mai | | | | | | | |
| 10.4 | Nguyễn Khánh Linh | | | | | | | |
| 10.5 | Nguyễn Hoàng Lan | | | | | | | |
| 10.6 | Nguyễn thị Bích | | | | | | | |
| 10.7 | Nguyễn thị Hương | | | | | | | |
| 10.8 | Nguyễn Thị Tuyết | | | | | | | |
| 10.9 | Nguyễn Thị Tư | | | | | | | |
| **11** | **Nguyễn Hoàng Nam** | | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | **0** | **0%** | |
| 11.1 | Nguyễn Đăng Mạnh | | | | | | | |
| 11.2 | Phạm Vân Chi | | | | | | | |
| 11.3 | Đỗ Thị Diệu Anh | | | | | | | |
| 11.4 | Nguyễn Mai Lâm | | | | | | | |
| 11.5 | Nguyễn Mai Phương | | | | | | | |
| 11.6 | Nguyễn Thu Giang | | | | | | | |
| **12** | **Nguyễn Xuân Thanh** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **0** | **0%** | |
| 12.1 | Nguyễn Văn Vẻ | | | | | | | |
| 12.2 | Vương Thị Loan | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12.3 | Nguyễn Hồng Phượng | | | | | | | |
| 12.4 | Nguyễn Tuấn Anh | | | | | | | |
| 12.5 | Dương Thị Hạnh | | | | | | | |
| 12.6 | Nguyễn Minh Phương | | | | | | | |
| 12.7 | Nguyễn Đức Vinh | | | | | | | |
| **13** | **Lê Thế Hùng** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **52.489** | **0,24%** | |
| 13.1 | Lê Thế Ngân | | | | | | | |
| 13.2 | Hàn Thị Thảo | | | | | | | |
| 13.3 | Lê Thị Hà | | | | | | | |
| 13.4 | Đào Như Trang | | | | | | | |
| 13.5 | Lê Diệu Minh | | | | | | | |
| 13.6 | Lê Thế Kiên | | | | | | | |
| 13.7 | Lê Nam Khánh | | | | | | | |
| **14** | **Lê Sỹ Tuấn** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **8.640** | **0,004%** | |
| 14.1 | Lê Sỹ Minh | | | | | | | |
| 14.2 | Lê Thị Ngà | | | | | | | |
| 14.3 | Lê Sỹ Quyền | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14.4 | Lê Sỹ Việt | | | | | | | |
| 14.5 | Lê Thu Thảo | | | | | | | |
| 14.6 | Lê Quỳnh Dương | | | | | | | |
| 14.7 | Lê Diễm Anh | | | | | | | |
| **15** | **Trần Trung Huế** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **4453** | **0,02%** | |
| 15.1 | Trần Quang Thê | | | | | | | |
| 15.2 | Nguyễn Thị Viêm | | | | | | | |
| 15.3 | Trần Ngọc Ánh | | | | | | | |
| 15.4 | Trần Ngọc Anh | | | | | | | |
| 15.5 | Trần Cao Hoàng | | | | | | | |
| 15.6 | Trần Thị Huệ | | | | | | | |
| 15.7 | Nguyễn Hồng Vân | | | | | | | |
| 15.8 | Trần Nguyễn Bảo Thy | | | | | | | |
| 15.9 | Trần Nguyễn Bảo Quyên | | | | | | | |
| 15.10 | Trần Nguyễn Bảo Anh | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **16** | **Đoàn Ngọc Ba** | | **Phó Tổng giám đốc** | | | **58.914** | **0,29%** | |
| 16.1 | Đoàn Tú Phối | | | | | | | |
| 16.2 | Hoàng Thị Tâm | | | | | | | |
| 16.3 | Phan Thị Hương | | | | | | | |
| 16.4 | Đoàn Thuỳ Trang | | | | | | | |
| 16.5 | Đoàn Huy Hiếu | | | | | | | |
| 16.6 | Đoàn Tú Bình | | | | | | | |
| 16.7 | Đoàn Ngọc Huế | | | | | | | |
| **17** | **Võ Thị Hải An** | | **Phụ trách Kế toán** | | | **59.000** | **0,027%** | |
| 17.1 | Nguyễn Thị Toan | | | | | | | |
| 17.2 | Hồ Đắc Hiển | | | | | | | |
| 17.3 | Đỗ Thị Thuỳ Linh | | | | | | | |
| 17.4 | Đỗ Đắc Nhật | | | | | | | |
| **18** | **Phạm Thắng** | | **UQ CBTT** | | | **0** | **0%** | |

| STT | Tên tổ chức /cá nhân | Tài khoản giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú: |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18.1 | Phạm Đình Lộc | | | | | | | |
| 18.2 | Nguyễn Thị Thảo | | | | | | | |
| 18.3 | Phạm Yến Chi | | | | | | | |
| 18.4 | Phạm Tâm Anh | | | | | | | |
| 18.5 | Phạm Bách | | | | | | | |
| 18.6 | Phạm Tùng | | | | | | | |